

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 1448/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1. Tính chất đô thị

- Là đô thị loại I trung tâm cấp quốc gia, có vị trí quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh, quốc phòng của vùng Bắc Bộ và cả nước;
- Là thành phố cảng, cửa chính ra biển quan trọng của nước ta, là đầu mối giao thông quan trọng Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang – một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam – Trung Quốc;
- Là Trung tâm kinh tế - khoa học – kỹ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

2. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Hải Phòng bao gồm: khu vực đô thị trung tâm với 7 quận là Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải

An, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn và dự kiến mở rộng 5 quận mới là Bến Rừng, Bắc Sông Cấm, Tây Bắc, An Dương, Trảng Cát – Cát Hải; các huyện ngoại thành, đảo Cát Bà và Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải với tổng diện tích 1.521,9 km².

- Phạm vi nghiên cứu mối quan hệ vùng bao gồm các tỉnh, thành phố xung quanh có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến không gian phát triển kinh tế - xã hội – an ninh – quốc phòng của thành phố Hải Phòng nằm trong vùng Duyên hải Bắc Bộ, Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước.

3. Quy mô dân số và phân bố dân cư đô thị.

a) Thành phố Hải Phòng

Dự kiến dân số đô thị Hải Phòng đến năm 2025 khoảng: 2.400.000 người. Trong đó: đô thị trung tâm là 2.100.000 người và dân số các đô thị vệ tinh: Minh Đức, Núi Đèo, An Lão, Núi Đồi, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Cát Bà và các thị trấn khác là 300.000 người.

b) Quy mô dân số đô thị trung tâm (nội thành)

- Hiện trạng năm 2007: 824.980 người.

- Dự báo đến năm 2015: 1.674.000 người.

- Dự báo đến năm 2025: 2.100.000 người.

4. Quy mô đất xây dựng đô thị

- Đến năm 2015 đất xây dựng đô thị khoảng 23.000, 24.000 ha, với chỉ tiêu là 145m²/người; trong đó đất dân dụng sẽ đạt 9.500, 10.900 ha, với chỉ tiêu là 65,5m²/người.

- Đến năm 2025 đất xây dựng đô thị sẽ vào khoảng 47.500 đến 48.900 ha, với chỉ tiêu là 160m²/người (đô thị trung tâm); trong đó đất dân dụng sẽ đạt 17.100 ha với chỉ tiêu là 70,84m²/người (đô thị trung tâm), đạt 180m²/người (đô thị vệ tinh).

5. Định hướng phát triển không gian đô thị Hải Phòng

a) Lựa chọn đất xây dựng đô thị:

- Cải tạo và chỉnh trang khu đô thị cũ hiện có, phát triển các quỹ đất xen kẽ chưa xây dựng.

- Phát triển đô thị mở rộng ra ven đô, chủ đạo theo hướng Đông, Đông Nam và dọc tuyến đường 353 (đường Phạm Văn Đồng đi thị xã Đồ Sơn), hướng Tây Bắc theo quốc lộ 5.
- Mở rộng phát triển hợp lý khu vực Bến Rừng, Bắc sông Cấm, An Dương.
- Khai thác hợp lý quỹ đất dọc các tuyến đường: cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, quốc lộ 10, cao tốc ven biển vùng Duyên hải Bắc Bộ.
- Phát triển vùng đảo Cát Hải, bãi bồi Đình Vũ, Tràng Cát.
- Phát triển các đô thị vệ tinh: nâng cấp các thị trấn hiện có, thành lập các thị trấn mới, các khu đô thị mới.

b) Phân khu chức năng

- Các khu dân cư đô thị: tổng diện tích: 7.539 ha
- + Khu hạn chế phát triển: bao gồm khu nội thành cũ được giới hạn trong phạm vi từ đường Bạch Đằng – Nguyễn Tri Phương – Hoàng Diệu – Lê Thánh Tông – Tôn Đức Thắng – Nguyễn Văn Linh – Nguyễn Bình Khiêm – Chùa Vẽ (vành đai 1) và một phần trung tâm quận Kiến An gồm 33 phường hiện trạng, dân số khoảng 428.110 người. Bình quân đất xây dựng đô thị khoảng $100\text{m}^2/\text{người}$. Tập trung cải tạo chỉnh trang kết hợp xây mới, không thay đổi lớn về cơ cấu sử dụng đất, tránh quá tải về hạ tầng đô thị. Từng bước di dời các nhà máy xí nghiệp, kho tàng để dành đất xây dựng dịch vụ công cộng và bổ sung cây xanh. Đất phần cảng ven sông Cấm sau khi di dời dành cho phát triển khu chức năng đô thị, ưu tiên công trình dịch vụ công cộng, cây xanh, văn phòng, thương mại. Tầng cao trung bình 3:5 tầng, mật độ xây dựng khoảng 50%, hệ số sử dụng đất 1,5,2,5 lần.
- + Khu vực phát triển mở rộng bao gồm:
 - . Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm: phát triển Trung tâm Hành chính – Chính trị mới của thành phố, khu Trung tâm Tài chính – Thương mại – Dịch vụ hình thành khu đô thị mới hiện đại. Dự kiến năm 2025: 251.000 người với diện tích 728 ha.
 - . Mở rộng về phía Đông: khai thác hết quỹ đất xây dựng các khu nhà ở mới tại quận Hải An. Diện tích khoảng 1008 ha.

. Mở rộng về phía Đông Nam dọc đường Phạm Văn Đồng: thành khu đô thị mới đường 353, sân gôn Đồ Sơn và khu giáo dục đào tạo, nghỉ dưỡng ven vịnh đại xanh sông Đa Độ. Diện tích khoảng 1.899 ha.

. Mở rộng về phía Tây, Tây Bắc: phát triển đô thị công nghiệp công nghệ cao (An Hồng, Lê Thiện, Đại Bản...), phát triển khu quận Hồng Bàng mở rộng sang huyện An Dương và một phần huyện An Lão, hình thành một khu dân dụng lớn và khu đào tạo, nghỉ dưỡng ở cửa ngõ Thành phố. Diện tích khoảng 1.570 ha.

. Mở rộng về phía Nam: phát triển khu quận Kiến An thành khu đô thị mới, khu du lịch mới, trên cơ sở khai thác khu cảnh quan sông Lạch Tray, núi Thiên Văn. Diện tích khoảng 770 ha.

- Hệ thống trung tâm các công trình dịch vụ công cộng:

Tổng diện tích đất xây dựng hệ thống trung tâm dịch vụ công cộng khoảng 1.163 ha được bố trí như sau:

+ Dịch vụ thương mại: diện tích 888 ha

+ Giáo dục: diện tích 40 ha

+ Y tế: diện tích 30 ha

+ Văn hóa: diện tích 25 ha

+ Cơ quan hành chính – chính trị: diện tích 180 ha

. Trung tâm thương mại, văn hóa, hành chính, y tế, giáo dục (cấp quận) bố trí thuộc trục trung tâm: Hoàng Văn Thụ, Cầu Đất, Lạch Tray, trục đại lộ Lê Hồng Phong, trục đại lộ 13-5 (Lạch Tray – Hồ Đông), trục Hồ Sen – Cầu Rào, trục Phạm Văn Đồng, khu đô thị Bắc Sông Cấm và tại các quận.

. Các công trình phục vụ không thường xuyên được bố trí phân tán, phi tập trung. Hệ thống phục vụ định kỳ được gắn với hệ thống trung tâm quận và các khu ở. Các công trình phục vụ hàng ngày được gắn với đơn vị ở.

. Tiếp tục hoàn chỉnh và xây dựng các trung tâm vui chơi giải trí hiện có: tại các quận: Hồng Bàng, Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn và đảo Cát Bà.

- Các khu cây xanh, thể dục thể thao: tổng diện tích 3.890 ha

+ Khu công viên cây xanh thành phố: tổng diện tích: 3.866 ha

- . Công viên đảo Vũ Yên: diện tích 750 ha
- . Công viên An Biên: diện tích 40 ha
- . Công viên Phương Lưu: diện tích 49 ha
- . Công viên đồi Thiên Văn: diện tích 100 ha
- . Công viên Hồ Đông: diện tích 418 ha
- . Công viên Tân Thành: diện tích 500 ha
- . Hệ thống cây xanh cấp quận, thị trấn: diện tích 2.009 ha
- + Trung tâm TDTT cấp thành phố, cấp quận: tổng diện tích 24 ha.
- Các trung tâm chuyên ngành: tổng diện tích 786,5 ha.
- + Khu trung tâm Hành chính – Chính trị thành phố: 150 ha
- . Giai đoạn đến năm 2015: tại vị trí hiện nay
- . Giai đoạn đến năm 2025: phát triển sang Bắc sông Cấm
- + Khu trung tâm văn hóa, thông tin, hội nghị hội thảo... tại khu vực Bắc sông Cấm: diện tích 43 ha.
- + Trung tâm giáo dục đào tạo cấp vùng: tổng diện tích 139 ha.
- . Khu vực Thủy Nguyên: diện tích 25 ha
- . Khu vực Kiến An: diện tích 18 ha
- . Khu vực Dương Kinh: diện tích 81 ha
- . Khu vực Ngô Quyền: diện tích 15 ha
- + Trung tâm y tế cấp vùng: tổng diện tích 44 ha
- . Khu vực Thủy Nguyên: diện tích 24 ha
- . Khu vực An Đồng: diện tích 20 ha
- + Trung tâm vui chơi giải trí TDTT: tổng diện tích 410,5 ha
- . Khu vực Lạch Tray: diện tích 4,5 ha
- . Khu liên hợp thể thao Olympic: diện tích 100 ha
- . Khu vực sân gôn Thủy Nguyên: diện tích 150 ha
- . Khu vực sân gôn Đồ Sơn: diện tích 156 ha

Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải: tổng diện tích 21.640 ha bao gồm 8 xã thuộc huyện Thủy Nguyên, khu vực đảo Vũ Yên, Đình Vũ, Tràng Cát và đảo Cát Hải sẽ được